

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST

Ngày 18-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hải Quân và bà Nguyễn Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Mạnh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Hoàng Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Văn D (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 02-4-1994 tại Cao Lộc, Lạng Sơn. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bản G xã Lộc Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn L (đang chấp hành hình phạt tù) và bà Sầm Thị X (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự số 172/2013/HSST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2016/HSST ngày 28-02-2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đều đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 08-5-2020 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Chị Lưu Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: khối 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị Đ; có mặt.

2. Chị Luân Thị S; vắng mặt.

3. Anh Lý Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 29-4-2020, bị cáo Lưu Văn D đến nhà chị gái là Lưu Thị N chơi. Khi đến nơi, thấy cổng nhà chị Lưu Thị N không khóa, bị cáo tự ý mở cổng đi vào. Bị cáo thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960 dựng ở sân nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát không thấy có ai, bị cáo dùng chìa khóa mang theo (do bị cáo đánh thêm khi mượn xe của chị Lưu Thị N từ trước đó) để mở khóa và điều khiển xe về hướng trung tâm thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, bị cáo gặp anh Lý Văn N và nhờ anh Lý Văn N đưa đi cầm cố xe. Anh Lý Văn N đưa bị cáo đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Phạm Văn C, bị cáo để lại xe mô tô ở cửa hàng của anh Phạm Văn C và nhận từ anh Phạm Văn C 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, số tiền có được bị cáo tiêu dùng hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐGTSHS ngày 08-5-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960 là 5.829.000 (năm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 20-7-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lưu Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lưu Văn D trình bày: Bị cáo sang chơi nhưng thấy nhà chị Lưu Thị N không có ai nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo không nói cho anh Lý Văn N, anh Phạm Văn C biết việc bị cáo trộm cắp xe mô tô của chị Lưu Thị N. Bị cáo đồng ý hoàn trả anh Phạm Văn Cường 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Chị Lưu Thị N trình bày: Chị đã được Cơ quan Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn trả lại tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đây là lần thứ hai bị cáo trộm cắp tài sản của chị, đề nghị Tòa án xét xử nghiêm khắc để bị cáo có cơ hội cải tạo thành người công dân tốt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Văn C tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra, anh Phạm Văn C khai: Do quen biết anh Lý Văn N nên anh Phạm Văn C đã đưa cho bị cáo Lưu Văn D 2.700.000 đồng và bị cáo đã để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960 tại cửa hàng của anh. Bản thân anh không biết chiếc xe mô tô

nói trên là do bị cáo Lưu Văn D phạm tội mà có; nay anh Phạm Văn C yêu cầu bị cáo trả lại anh số tiền nói trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lưu Văn D từ 09 tháng 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Xác nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; buộc bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn C 2.700.000 đồng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Văn C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng là chị Luân Thị S, anh Lý Văn N vắng mặt không rõ lý do nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nói trên theo quy định của Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ hành vi mà bị cáo đã thực hiện và kết quả định giá tài sản, Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lưu Văn D là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình

an ninh trật tự tại địa phương. Để có căn cứ quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa, cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân, mặc dù đã nhiều lần bị kết án nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, cụ thể: Tại Bản án hình sự số 172/2013/HSST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2016/HSST ngày 28-02-2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; mặc dù khi phạm tội lần này bị cáo đều đã được xóa án tích nhưng điều đó chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật và tu dưỡng, rèn luyện bản thân kém. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị có phần hơi nương nhẹ, chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện, bị cáo có không nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trước khi vụ án được đưa ra xét xử, Cơ quan điều tra đã thu hồi được vật chứng là xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960. Tại phiên tòa, chị Lưu Thị N thừa nhận đã được nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với anh Phạm Văn C không biết xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960 là do bị cáo Lưu Văn D phạm tội mà có; vì vậy, yêu cầu bị cáo trả lại 2.700.000 đồng mà anh Phạm Văn C đưa ra là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Lưu Văn D là người bị kết án và là người chịu trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với anh Lý Văn N và anh Phạm Văn C, do không biết chiếc xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 12D1-15960 là do bị cáo Lưu Văn D phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

[10] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Văn D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 08-5-2020.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị cáo Lưu Văn D phải bồi thường cho anh Phạm Văn C 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Lưu Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự; tổng cộng là 500.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHSCA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQĐVA;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thùy